| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TAM BÌNH**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 61/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16/7/2020
V/v ly hôn, T/c nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Út

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Mua

Ông Phan Kiên Nhẫn

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình*:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 77/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Thái Ngọc B, sinh năm: 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn:* Chị Lê Ngọc H, sinh năm: 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A1, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Anh Thái Ngọc B trình bày: Năm 2010 qua quen biết nên anh và chị H có tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long ngày 23/11/2011.

Đến tháng 12/2019 phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau làm cho mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Anh và chị H không có ly thân. Anh thấy tình cảm vợ chồng không còn. Anh yêu cầu:

+ Về hôn nhân: Anh yêu cầu ly hôn với chị H

+ Về con chung: Có một con chung tên Thái Lê Ngọc H1, sinh ngày 29/10/2011. Anh B yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu khác.

- Chị Lê Ngọc H trình bày:

+ Về hôn nhân: Chị không đồng ý ly hôn với anh B.

+ Về con chung: Có một con chung tên Thái Lê Ngọc H1, sinh ngày 29/10/2011. Chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Tại bản tự khai ngày 06/7/2020 cháu Thái Lê Ngọc H1 trình bày: Sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ là chị Lê Ngọc H.

Tại phiên tòa,

- Anh Thái Ngọc B trình bày:

+ Về hôn nhân: Anh yêu cầu ly hôn với chị H

+ Về con chung: Anh đồng ý giao cháu Thái Lê Ngọc H1, sinh ngày 29/10/2011 cho chị H nuôi dưỡng. Anh không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu khác.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận, quan hệ tranh chấp về "ly hôn và tranh chấp về nuôi con" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ngày 10/7/2020 chị Lê Ngọc H là bị đơn có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H

[3] Về hôn nhân: Năm 2010 qua quen biết anh B và chị H có tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 23/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Đến tháng 12/2019 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Tuy anh B và chị H không có ly thân nhưng tình cảm vợ chồng  không hàn gắn được.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 10/7/2020 của chị H, chị xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và chị trình bày: Chị đồng ý ly hôn với anh B.

Anh B xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh kiên quyết ly hôn với chị H. Cho thấy hôn nhân giữa anh B và chị H đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B đối với chị H

[4] Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Thái Lê Ngọc H1, sinh ngày 29/10/2011. Hiện nay con chung đang sống với chị H.

Tại phiên tòa anh B đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên hòa giải ngày 19/6/2020; bản tự khai ngày 19/6/2020 của chị H thể hiện: Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai ngày 06/7/2020 thể hiện cháu H1 có nguyện vọng sau khi cha mẹ ly hôn cháu được sống chung với mẹ là chị H.

Để đảm bảo ổn định cho sự phát triển về thể chất, cũng như tâm sinh lý cho cháu H1. Căn cứ các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của anh B, tiếp tục giao cháu H1 cho chị H nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh B và chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc anh B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn. Trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010085 ngày 27/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Anh B đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Thái Ngọc B

**1.** Về hôn nhân: Anh Thái Ngọc B được ly hôn với chị Lê Ngọc H

**2.** Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Thái Ngọc B. Giao con chung tên Thái Lê Ngọc H1, sinh ngày 29/10/2011 cho chị Lê Ngọc H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con:

Chị Lê Ngọc H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

Anh Thái Ngọc B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

**3.** Về tài sản chung và nợ chung: Anh Thái Ngọc B và chị Lê Ngọc H không yêu cầu nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

**4.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Thái Ngọc B phải chịu 300.000 án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010085 ngày 27/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Anh Thái Ngọc B đã nộp xong.

**5.** Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**6.** Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND huyện Tam Bình: 02b;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01b;
- UBND xã Loan Mỹ: 01b;
- Đương sự: 02b;
- Lưu: 04b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Út**